

Địa chỉ: 28H Lý Chiêu Hoàng, P10, Q6
Điện thoại : 028. 38750972
Quyết định thành lập trường số 1298/QĐ-UB
ngày 25/10/1999

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của Trường Mầm non Rạng Đông 10
Cuối năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	1. Thể chất: 80% đạt yêu cầu 2. Nhận thức: 75% đạt yêu cầu 3. Ngôn ngữ: 70% đạt yêu cầu 4. Tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ: 75% đạt yêu cầu	1. Thể chất: 90% đạt yêu cầu 2. Nhận thức: 85% đạt yêu cầu 3. Ngôn ngữ: 85% đạt yêu cầu 4. Tình cảm, kỹ năng xã hội: 90% đạt yêu cầu 5. Thẩm mỹ: 86% đạt yêu cầu
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Thực hiện nghiêm túc chương trình GDMN mới của BGD-ĐT. - Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGD-ĐT ngày 28/12/2017	- Thực hiện nghiêm túc chương trình GDMN mới của BGD-ĐT. - Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGD-ĐT ngày 28/12/2017
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Khẩu phần dinh dưỡng: 716-730 Kcal. - Thực đơn phù hợp lứa tuổi - Có tổ chức ăn sáng cho các cháu Nhà trẻ tại trường - Theo dõi sức khỏe trẻ: 100% + Khám sức khỏe: 100% Với trẻ em: 1 lần/năm Với giáo viên: 1 lần/năm + Tây giun: 2 lần/năm - Kết quả nuôi dưỡng: + Tỷ lệ giảm SDD so với năm trước 100%. SDD cân nặng 100% Kế hoạch phân đầu 100% + Tỷ lệ dư cân, béo phì so với năm học trước giảm 60%. Kế hoạch phân đầu: 15%	- Khẩu phần dinh dưỡng: 716-730 Kcal. - Thực đơn phù hợp lứa tuổi - Có tổ chức ăn sáng cho các cháu Mẫu giáo tại trường - Theo dõi sức khỏe trẻ: 100% + Khám sức khỏe: 100% Với trẻ em: 1 lần/năm Với giáo viên: 1 lần/năm + Tây giun: 2 lần/năm - Kết quả nuôi dưỡng: + Tỷ lệ giảm SDD so với năm trước 100%. SDD cân nặng 100% Kế hoạch phân đầu 100% + Tỷ lệ dư cân, béo phì so với năm học trước giảm 60%. Kế hoạch phân đầu: 15%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non		

Quận 6, ngày 01 tháng 6 năm 2024
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
MẦM NON RẠNG ĐÔNG 10
Trần Ngọc Lan

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 28H Lý Chiêu Hoàng, P10, Q6
Điện thoại : 028. 38750972
Quyết định thành lập trường số 1298/QĐ-UB
ngày 25/10/1999

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
Cuối năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	510			51	121	157	181
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	510			51	121	157	181
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	510			51	121	157	181
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	510			51	121	157	181
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	510			51	121	157	181
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	510			51	121	157	181
1	Số trẻ đạt Kênh A	480			51	112	143	174
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	1				1		
3	Số trẻ suy dinh dưỡng chiều cao							
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	1					1	
5	Số trẻ thừa cân béo phì	28				8	13	7
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	510			51	121	157	181
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	51			51			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	459				121	157	181

Quận 6, ngày 01 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Trần Ngọc Lan

Địa chỉ: 28H Lý Chiêu Hoàng, P10, Q6
Điện thoại : 028. 38750972
Quyết định thành lập trường số 1298/QĐ-UB
ngày 25/10/1999

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Cuối năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	13	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	13	2,2 m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2167,3	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1084,24	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	597,7	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	100	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	84	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	233,7	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	100	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	80	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	13	Số bộ/nhóm (lớp) 1/1 lớp
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	13	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời		Số bộ/sân chơi (trường)

IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	20 máy tính 1 máy ảnh 1 máy chiếu	1 máy tính/lớp
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Tivi	13	1/1 lớp
2	Nhạc cụ (đàn Organ, ghita, trống)	15	1/1 lớp
3	Máy photo	1	
4	Cassette	13	1/1 lớp
5	Đầu video / đầu đĩa	13	1/1 lớp
6	Thiết bị khác	7	
7	Đồ chơi ngoài trời	26	
8	Bàn ghế theo quy cách	359	2 trẻ / bộ

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng (m²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	10,50		84		13,44
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

Quận 6, ngày 01 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Trần Ngọc Lan

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG MẦM NON RẠNG ĐÔNG 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 28H Lý Chiêu Hoàng, P10, Q6
Điện thoại : 028. 38750972
Quyết định thành lập trường số 1298/QĐ-UB
ngày 25/10/1999

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
trường Mầm non Rạng Đông 10, cuối năm học 2023-2024

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	50		3	25	5	3	14	2	29	5	25	8		
I	Giáo viên	30		1	26	3				27	3	21	9		
1	Nhà trẻ	4			4					4		3	1		
2	Mẫu giáo	26		1	22	3				23	3	18	8		
II	Cán bộ quản lý	3		2	1					2	1	3			
1	Hiệu trưởng	1			1					1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2						1	1	2			
III	Nhân viên	17				1	3	13	1	1					
1	Nhân viên văn thư	1					1		1						
2	Nhân viên kế toán	1				1				1					
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên khác	14					1	13							
..	..														

Quận 6, ngày 01 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Trần Ngọc Lan